Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9405.29.90

Mã HS	9405.29.90
Mô tả hàng hóa	Đèn (luminaires) và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi và bộ phận của chúng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, và bộ phận của chúng chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Đèn bàn, đèn giường hoặc đèn cây dùng điện : / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 20:01:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94052990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18601
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18601
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18601
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17909
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17838
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17838
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17838
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17838
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17838
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17838
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17894
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17894
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17894
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17894
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17894
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17895
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17895
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17895
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17895
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17895
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17895
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17900
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17857
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17852
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17852
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17852
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17852
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17852
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17852
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17898
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17898
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17898
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17898
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17898
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17898
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17964
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17964
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17964
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17964

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17964
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17964
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D17938
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E17938
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F17938
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17938
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17938
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17938
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1067
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1067
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D17931
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E17931
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F17931
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G17931
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H17931
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17931
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17961
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17961
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17961
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17961
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17961
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17961
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17960
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17960
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17960
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17960

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17960
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17960
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18054
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18054
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18054
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18054
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18054
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18054
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18054
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17923
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17923
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17923
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17923
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17923
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17923
RCEP B	2022	2022	0	B!D17923
RCEP B	2023	2023	0	B!E17923
RCEP B	2024	2024	0	B!F17923
RCEP B	2025	2025	0	B!G17923
RCEP B	2026	2026	0	B!H17923
RCEP B	2027	2027	0	B!I17923
RCEP C	2022	2022	0	C!D17921
RCEP C	2023	2023	0	C!E17921
RCEP C	2024	2024	0	C!F17921
RCEP C	2025	2025	0	C!G17921
RCEP C	2026	2026	0	C!H17921

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17921
RCEP D	2022	2022	0	D!D17920
RCEP D	2023	2023	0	D!E17920
RCEP D	2024	2024	0	D!F17920
RCEP D	2025	2025	0	D!G17920
RCEP D	2026	2026	0	D!H17920
RCEP D	2027	2027	0	D!I17920
RCEP E	2022	2022	0	E!D17924
RCEP E	2023	2023	0	E!E17924
RCEP E	2024	2024	0	E!F17924
RCEP E	2025	2025	0	E!G17924
RCEP E	2026	2026	0	E!H17924
RCEP E	2027	2027	0	E!I17924
RCEP F	2022	2022	0	F!D17923
RCEP F	2023	2023	0	F!E17923
RCEP F	2024	2024	0	F!F17923
RCEP F	2025	2025	0	F!G17923
RCEP F	2026	2026	0	F!H17923
RCEP F	2027	2027	0	F!I17923
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F16802
VIFTA	2025	2025	20	VI!G16802
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H16802
VIFTA	2027	2027	15	VI!I16802

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9405.29 có 2 dòng thuế; dòng 9405.29.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9405.29.10 Đèn cho phòng mổ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9405.29.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9405.29.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9405.29.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9405.29.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18601), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.